TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIA** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2023
"V/v xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Khởi

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nông Thị Ngọc Anh

2. Bà Phạm Thị Thương

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1968

HKTT: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Mạnh T1, sinh năm 1954

Địa chỉ: Khối phố N, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Trịnh Hoài D, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng bà Trịnh Thị T trình bày: Bà và ông Hà Mạnh T1 được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn B ngày 26/4/2021, trước khi kết hôn bà đã có chồng, con

và chồng đã chết, ông Hà Mạnh T1 cũng đã có vợ, con và đã ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng cả 2 đều phải chăm lo cho gia đình riêng của mỗi người, đến tháng 8/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do ông Hà Mạnh T1 không chung thủy mà đi ngoại tình với người phụ nữ khác, bà đã khuyên bảo nhưng ông Hà Mạnh T1 không nghe, dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng, nên bà đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Mạnh T1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng ông Hà Mạnh T1 trình bày: Ông kết hôn với bà Trịnh Thị T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn B. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, ông rất yêu thương chăm sóc bà Trịnh Thị T, không có việc ngoại tình như bà Trịnh Thị T trình bày, nay bà Trịnh Thị T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Ngày 26/5/2023 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên hòa giải các bên không thỏa thuận được nội dung vụ án, việc hòa giải đoàn tụ không thành.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn, ông Hà Mạnh T1 không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa đã làm rõ được tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, nên đề nghị áp các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; giải quyết cho bà Trịnh Thị T được ly hôn, và xem xét về án phí theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì. Như vậy việc tiến hành tố tụng của người tiến hành tố tụng đều đã hợp pháp.

[2] Quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T và ông Hà Mạnh T1 là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 15, ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B1, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa bà Trịnh Thị T nêu ra rất nhiều nội dung mâu thuẫn, tại phiên tòa ông Hà Mạnh T1 cũng thừa nhận nội dung thường xuyên nhắn tin cho người tình cũ trong lúc ở cùng và ngủ cùng với bà Trịnh Thị T, mặc dù đã được bà Trịnh Thị T nhắc nhở nhưng ông Hà Mạnh T1 không sửa chữa mà còn đe dọa lại bà Trịnh Thị T và từ khi bà Trịnh Thị T ly T ông Hà Mạnh T1 cũng không có thiện chí hòa giải để đón bà Trịnh Thị T về đoàn tụ, người làm chứng tại phiên tòa cũng cho biết: Từ khi bà Trịnh Thị T kết hôn với ông Hà Mạnh T1 ông chưa thấy ông Hà Mạnh T1 đến thăm gia đình bà Trịnh Thị T lần nào, ngoài ra ông được đọc tin nhắn của ông Hà Mạnh T1 gửi qua điện thoại của chị Lưu Thị Q, sinh năm 1973, trú tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là em chồng cũ của bà Trịnh Thị T với nội dung đe dọa giết bà Trịnh Thị T đây là hình thức bạo lực về tinh thần, như vậy tình cảm vợ chồng giữa bà Trịnh Thị T với ông Hà Mạnh T1 đã đến mức trầm trọng, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Bà Trịnh Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng trong việc giải quyết vụ án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Hà Mạnh T1.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Trịnh Thị T đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0005642, ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B, huyện B1 (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Khởi